



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

---

---

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5- 6</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	<b>7 – 38</b>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>14 – 37</i>
<i>Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>38</i>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000040 ngày 24 tháng 4 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 số 0101030402 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 6 năm 2015 về đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ từ 383.110.000.000 đồng thành 603.110.000.000 đồng.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23: 603.110.000.000 đồng.*

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (04) 3719 4353  
Fax : (04) 3718 3635  
E-mail : info@daichau.vn  
Mã số thuế : 0 1 0 1 0 3 0 4 0 2

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đường Đức Hóa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên
Ông Lê Quốc Việt	Ủy viên



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

#### ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đường Lan Phương	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đường Đức Hóa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Đường Đức Hóa**

Ngày 15 tháng 8 năm 2018



Số : 1306.01/2018/BCTC-NVT2  
Ngày : 15 tháng 8 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2018 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa (Công ty liên kết) để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (nếu có). Do đó, Kiểm toán viên chưa có cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Năm 2014 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu này được tạm ứng để thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 2017 Công ty đã chuyển nhượng dự án này, tuy nhiên tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, số dư phải thu tiền tạm ứng thực hiện dự án Phú Thượng chưa được thu hồi là 106 tỷ đồng, trong đó tạm ứng cho TVHĐQT, BKS là 40 tỷ đồng, các đối tượng khác là 65 tỷ đồng (xem thuyết minh số V.6); Đối với các khoản tạm ứng đã thu hồi, Công ty thực hiện cho các tổ chức, cá nhân vay (xem thuyết minh số V.5). Bằng các thủ tục soát xét áp dụng, chúng tôi không đánh giá được mức độ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính.

### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Kết luận ngoại trừ**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>608.047.872.051</b>	<b>598.157.139.886</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.298.542.801</b>	<b>28.669.694.706</b>
1. Tiền	111		2.298.542.801	3.669.694.706
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>543.347.808.262</b>	<b>497.810.181.895</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.010.728.933	14.526.216.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.616.737.654	16.829.385.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	376.010.428.197	276.756.055.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	143.604.737.419	191.524.866.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.894.823.941)	(1.826.340.941)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>62.364.871.938</b>	<b>71.675.613.285</b>
1. Hàng tồn kho	141		68.927.535.389	72.933.256.535
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.562.663.451)	(1.257.643.250)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.649.050</b>	<b>1.650.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.650.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.649.050	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.920.153.510</b>	<b>71.094.105.123</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.902.452.170</b>	<b>4.623.175.938</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.902.452.170	4.623.175.938
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.499.701.340</b>	<b>4.948.372.344</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4.499.701.340	4.948.372.344
<i>Nguyên giá</i>	222		36.241.956.917	35.368.840.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31.742.255.577)	(30.420.468.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>27.768.000.000</b>	<b>27.768.000.000</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		27.768.000.000	27.768.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>33.750.000.000</b>	<b>33.750.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		33.250.000.000	33.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>4.556.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	4.556.841
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>677.968.025.561</b>	<b>669.251.245.009</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.192.736.954</b>	<b>36.807.499.956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.862.734.954</b>	<b>36.807.499.956</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.448.566.017	12.831.613.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.563.695.300	3.776.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	1.575.241.847
4. Phải trả người lao động	314		614.182.230	425.437.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	19.892.363	258.830.060
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.530.284.479	7.542.662.379
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	16.520.000.000	10.141.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	166.114.565	256.714.565
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>330.002.000</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	330.002.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>633.775.288.607</b>	<b>632.443.745.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>633.775.288.607</b>	<b>632.443.745.053</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.329.176.600	8.329.176.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.550.000)	(14.550.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.293.837.340	4.293.837.340
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.056.944.667	16.725.401.113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.725.401.113	19.431.686.923
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.331.543.554	(2.706.285.810)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>677.968.025.561</b>	<b>669.251.245.009</b>

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà



Vương Thị Ánh Duyên



Đường Đức Hóa

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.065.438.977	48.857.909.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.065.438.977	48.857.909.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.291.223.812	59.136.817.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.225.784.835)	(10.278.907.775)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.945.412.148	16.244.942.351
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	773.338.188	(795.250.478)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		773.338.188	1.383.766.985
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	471.629.658	581.901.309
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.603.079.175	2.566.820.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.871.580.292	3.612.562.971
11. Thu nhập khác	31	VI.7	166.296	283.900
12. Chi phí khác	32	VI.8	540.203.034	4.646.647.185
13. Lợi nhuận khác	40		(540.036.738)	(4.646.363.285)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.331.543.554	(1.033.800.314)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.331.543.554	(1.033.800.314)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	22	(17)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tông Giám đốc



Nguyễn Thị Hà



Vương Thị Ánh Duyên



Đường Đức Hóa



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.331.543.554	(1.033.800.314)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.321.787.368	1.382.492.546
- Các khoản dự phòng	03		6.373.503.201	(2.174.783.657)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.944.826.644)	(11.603.934.374)
- Chi phí lãi vay	06		773.338.188	1.383.766.985
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.144.654.333)	(12.046.258.814)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54.121.226.209	112.190.954.870
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.005.721.146	9.205.341.455
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		762.499.968	(9.842.619.101)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.206.841	8.972.369
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(769.003.158)	(1.425.862.688)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.071.511.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(90.600.000)	(72.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56.891.396.673</b>	<b>92.946.716.762</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(948.480.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.300.000.000)	(197.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.045.626.803	14.573.945.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	58.188.258.018
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.231.302.619	3.255.851.805
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(89.971.550.578)</b>	<b>(121.581.945.177)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		25.576.773.110	33.147.737.740
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.867.771.110)	(57.302.384.215)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.709.002.000	(24.154.646.475)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26.371.151.905)	(52.789.874.890)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.669.694.706	54.291.154.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.298.542.801	1.501.279.935

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Vương Thị Ánh Duyên

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đường Đức Hóa



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nhựa tổng hợp; Bán buôn phân bón; Sản xuất, mua bán các mặt hàng cao su và sản phẩm làm từ cao su; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh mặt hàng ắc quy các loại;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh mì ăn liền và rau quả, thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Sản xuất, chế biến, mua bán hàng nông sản; sản xuất chế biến nông sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Vận chuyển khách theo tuyến cố định; Vận chuyển hành khách bằng taxi, vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Chi tiết: dịch vụ ăn uống(không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar...);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Á Châu là 22.920 VND/USD

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

#### 7. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là giá trị quyền sử dụng đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Công ty không khấu hao đối với bất động sản này.

#### 8. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 9. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 10. **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 11. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 12. **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **15. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.282.584.727	3.653.095.679
Tiền gửi ngân hàng	15.958.074	16.599.027
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.298.542.801</b>	<b>28.669.694.706</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>33.250.000.000</b>	-	<b>33.250.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa <sup>(i)</sup>	31.000.000.000	-	31.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu <sup>(ii)</sup>	2.250.000.000	-	2.250.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>500.000.000</b>	-	<b>500.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long <sup>(iii)</sup>	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.750.000.000</b>	-	<b>33.750.000.000</b>	-

- (i) Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HĐHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chì kẽm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chì kẽm, nhà máy luyện kim loại Chì kẽm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (ii) Trong năm Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu cho ông Nguyễn Đức Năng là 1.750.000.000 VND. Theo đó, Công ty giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty này từ 53,33% xuống còn 30%. Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu trở thành công ty liên kết của Công ty. Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103428982 thay đổi lần 03 ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc thay đổi vốn góp này. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại- Xuất nhập khẩu Đại Châu là 2.250.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- (iii) Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>10.010.728.933</i></b>	<b><i>14.526.216.350</i></b>
Công ty TNHH xe nâng Bình Minh	606.073.199	8.006.073.199
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	3.003.108.376	1.379.770.293
Công ty CPTM và kinh doanh tổng hợp Hưng Phát	1.847.421.527	2.397.421.527
Các khách hàng khác	4.554.125.831	2.742.951.331
<b>Cộng</b>	<b>10.010.728.933</b>	<b>14.526.216.350</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b><i>16.616.737.654</i></b>	<b><i>16.829.385.450</i></b>
Ông Mai Hùng An (*)	1.068.483.000	1.068.483.000
Ông Phạm Minh Tuấn- Dự án khu Việt Long (*)	15.145.756.000	15.145.756.000
Các nhà cung cấp khác	402.498.654	615.146.450
<b>Cộng</b>	<b>16.616.737.654</b>	<b>16.829.385.450</b>

(\*) Là khoản ứng trước tiền nhận chuyển nhượng đất thương phẩm thuộc dự án khu biệt thự, nhà vườn, dịch vụ giải trí, du lịch Quang Minh tại xã Quang Minh (Mê Linh). Hiện tại công ty đang xúc tiến hoàn tất các thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (*)</i></b>	<b><i>376.010.428.197</i></b>	<b><i>276.756.055.000</i></b>
Ông Nguyễn Hữu Tường	24.485.000.000	24.485.000.000
Ông Đào Ngọc Chương	30.000.000.000	15.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Hải	21.000.000.000	21.000.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hùng	16.000.000.000	16.000.000.000
Ông Ngô Trọng Hường	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Trần Văn Khang	24.000.000.000	24.000.000.000
Ông Nguyễn Kim Tuấn	26.900.000.000	26.900.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Lâm	17.000.000.000	17.000.000.000
Ông Lưu Chí Hùng	15.080.000.000	15.080.000.000
Ông Nguyễn Khắc Nghĩa	53.000.000.000	15.000.000.000
Ông Vũ Lã Minh	69.365.428.197	23.111.055.000
Cho vay các đối tượng khác	59.180.000.000	59.180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>376.010.428.197</b>	<b>276.756.055.000</b>

(\*) Nguồn tiền cho các tổ chức, cá nhân vay được hình thành từ việc thu hồi các khoản tạm ứng thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014 và tiền lãi cho vay thu được qua các năm từ các khoản cho vay này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Phải thu khác****a. Phải thu khác ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>106.321.752.282</b>	<b>154.955.404.924</b>
Tạm ứng thành viên HĐQT, ban kiểm soát	40.666.472.282	89.300.124.924
Tạm ứng đối tượng khác	65.655.280.000	65.655.280.000
<b>Lãi dự thu các đối tượng khác</b>	<b>1.282.985.137</b>	<b>569.461.112</b>
Ông Lưu Chí Hùng	335.155.556	307.355.556
Ông Trần Ngọc Tuấn	323.405.556	262.105.556
Lãi dự thu các đối tượng khác	624.424.025	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (*)	36.000.000.000	36.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.604.737.419</b>	<b>191.524.866.036</b>

(\*) Là khoản hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 12/HĐHTĐT ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Theo đó Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp cùng liên kết góp vốn để thực hiện "Dự án khu nhà ở cao tầng" tại lô đất CC3, khu đô thị Mỹ Đình II, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư để thực hiện dự án là 80 tỷ đồng, Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu góp 36 tỷ đồng, tương đương 45% tổng vốn đầu tư.

**b. Phải thu khác dài hạn**

Là khoản ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Á Châu- Chi nhánh Hà Thành để bảo lãnh bảo hành Công trình An Bình.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	<b>1.826.340.941</b>	<b>1.707.997.275</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	1.068.483.000	4.233.806
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.894.823.941</b>	<b>1.712.231.081</b>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 1.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	42.012.987.380	-	34.121.026.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.806.594.137	-	25.786.525.841	-
Thành phẩm	8.978.063.227	(5.327.056.336)	9.795.813.227	(1.257.643.250)
Hàng hóa	3.129.890.645	(1.235.607.115)	3.229.890.645	-
<b>Cộng</b>	<b>68.927.535.389</b>	<b>(6.562.663.451)</b>	<b>72.933.256.535</b>	<b>(1.257.643.250)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.706.042.605	25.949.828.964	521.818.182	191.150.802	35.368.840.553
Mua trong kỳ	-	-	873.116.364	-	873.116.364
Số cuối kỳ	<u>8.706.042.605</u>	<u>25.949.828.964</u>	<u>1.394.934.546</u>	<u>191.150.802</u>	<u>36.241.956.917</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.101.859.776	6.138.094.714	340.000.000	191.150.802	7.771.105.292
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.091.949.245	22.647.873.214	489.494.948	191.150.802	30.420.468.209
Tăng trong kỳ do khấu hao	269.363.022	990.586.710	61.837.636	-	1.321.787.368
Số cuối kỳ	<u>7.361.312.267</u>	<u>23.638.459.924</u>	<u>551.332.584</u>	<u>191.150.802</u>	<u>31.742.255.577</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.614.093.360	3.301.955.750	32.323.234	-	4.948.372.344
Số cuối kỳ	<u>1.344.730.338</u>	<u>2.311.369.040</u>	<u>843.601.962</u>	<u>-</u>	<u>4.499.701.340</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.116.364 VND và 829.460.546 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Đô



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m<sup>2</sup> đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>14.448.566.017</b>	<b>14.448.566.017</b>	<b>12.831.613.480</b>	<b>12.831.613.480</b>
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Cúc	-	-	1.651.721.790	1.651.721.790
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Toàn	4.483.167.700	4.483.167.700	-	-
Công ty cổ phần hàng hóa quốc tế LEESON	3.767.213.850	3.767.213.850	6.050.918.913	6.050.918.913
Công ty TNHH MTV Tân Thành Long	-	-	2.520.176.945	2.520.176.945
Công ty TNHH Thương mại TTK	2.476.105.995	2.476.105.995	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông đô thị Hà Nội	1.475.778.032	1.475.778.032	1.208.178.032	1.208.178.032
Các nhà cung cấp khác	2.246.300.440	2.246.300.440	1.400.617.800	1.400.617.800
<b>Cộng</b>	<b>14.448.566.017</b>	<b>14.448.566.017</b>	<b>12.831.613.480</b>	<b>12.831.613.480</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>4.563.695.300</b>	<b>3.776.000.000</b>
Công ty CP TM xây dựng Ánh Lộc	-	2.500.000.000
Công ty TNHH Damsel Việt Nam	-	976.000.000
Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Hùng Phú	300.000.000	300.000.000
Chi nhánh công ty cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình	3.163.695.300	-
Công ty CP kỹ thuật điện nước Xuân Phát	1.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.563.695.300</b>	<b>3.776.000.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.575.241.847	608.176.084	2.183.417.931	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.094.230	14.094.230	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.742.000	4.742.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.575.241.847</b>	<b>630.012.314</b>	<b>2.205.254.161</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

*Các loại thuế khác*

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay phải trả	19.892.363	15.557.333
Trích trước chi phí thuê đất phải trả	-	243.272.727
<b>Cộng</b>	<b>19.892.363</b>	<b>258.830.060</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>7.530.284.479</i>	<i>7.542.662.379</i>
Kinh phí công đoàn	173.277.338	173.277.338
Cổ tức năm 2011 phải trả	7.302.327.480	7.302.327.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	54.679.661	67.057.561
<b>Cộng</b>	<b>7.530.284.479</b>	<b>7.542.662.379</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả nợ</b>
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.520.000.000</i>	<i>16.520.000.000</i>	<i>10.141.000.000</i>	<i>10.141.000.000</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.300.000.000	16.300.000.000	10.141.000.000	10.141.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Thành (i)	15.500.000.000	15.500.000.000	10.141.000.000	10.141.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô (ii)	800.000.000	800.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V,18b)	220.000.000	220.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô	220.000.000	220.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.520.000.000</b>	<b>16.520.000.000</b>	<b>10.141.000.000</b>	<b>10.141.000.000</b>

(i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hà Thành theo 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.429.050218 ngày 07/02/2018. Hạn mức tín dụng 16.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 8.5% trong ba tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi được tính bằng lãi suất huy



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,5%/năm tùy thuộc vào mức độ tăng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước.

- Hợp đồng tín dụng cấp hạn mức thấu chi số CHA.DN.448.050218 ngày 07/02/2018. Hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 8,5% trong ba tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,5%/năm tùy thuộc vào mức độ tăng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

Bất động sản tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 Tổ 29, Cụm 5, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội trị giá 6.650.000.000 VND thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Tiến Dũng và Bà Trần Thị Kim Ngân

Bất động sản tại căn hộ 398, nhà C22, TT Quỳnh Lôi, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội trị giá 1.098.000.000 VND thuộc sở hữu của Đường Đức Thắng, Trần Thị Viên Hiền, Đường Phương Linh.

Bất động sản tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 tổ 29 cụm 5 Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội trị giá 7.593.000.000 VND thuộc sở hữu của Trần Việt Hà

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số S9 81888, số tài khoản 240367429 trị giá 2.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Nguyễn Đức Năng

(ii) Là khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô theo HĐTDHM số LD1803800127 ngày 08/02/2018. Hạn mức tín dụng là 800.000.000 VND. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 0801/HĐMB/ĐC-LS/2018 ngày 08/01/2018 với công ty CP Hàng hóa Quốc tế Leeson. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 08/02/2018, lãi suất 8,5% trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,3%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

Khoản vay được đảm bảo bởi 1 bất động sản tại thửa đất số LK-05:20, tờ bản đồ số QH, địa chỉ: Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BY 053996, số vào sổ áp GCN: CH01306 do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 26/05/2016 cho ông Nguyễn Khắc Nghĩa và bà Phương Thị Nhân. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.156.800.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.141.000.000	24.916.773.110	-	(18.757.773.110)	16.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	220.000.000	-	220.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.141.000.000</b>	<b>24.916.773.110</b>	<b>220.000.000</b>	<b>(18.757.773.110)</b>	<b>16.520.000.000</b>

### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đông Đô (i)	330.002.000	330.002.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>330.002.000</b>	<b>330.002.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số LD1800300128 ngày 04/01/2018. Số tiền vay là 660.000.000 VND, thời hạn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

36 tháng từ ngày 05/01/2018 đến 05/01/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe ô tô. Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 11%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất huy động cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cộng thêm 3,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần hoặc theo quy định của Ngân hàng từng kỳ.

Khoản vay được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay: 1 chiếc ô tô con MAZDA CX5 AT 2WD, màu trắng, số khung: RN2KE5326HC071990, số máy PY20953341, biển kiểm soát số: 30F-013.98, trị giá tài sản: 844.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	-	660.000.000	(109.998.000)	(220.000.000)	330.002.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>660.000.000</b>	<b>(109.998.000)</b>	<b>(220.000.000)</b>	<b>330.002.000</b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	220.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	330.002.000	-
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>550.002.000</b>	<b>-</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Số trích lập trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	92.378.900	-	-	92.378.900
Quỹ phúc lợi	164.335.665	-	(90.600.000)	73.735.665
<b>Cộng</b>	<b>256.714.565</b>	<b>-</b>	<b>(90.600.000)</b>	<b>166.114.565</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	19.431.686.923	635.150.030.863
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.706.285.810)	(2.706.285.810)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>603.109.880.000</b>	<b>8.329.176.600</b>	<b>(14.550.000)</b>	<b>4.293.837.340</b>	<b>16.725.401.113</b>	<b>632.443.745.053</b>
Số dư đầu năm nay	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.725.401.113	632.443.745.053
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.331.543.554	1.331.543.554
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>603.109.880.000</b>	<b>8.329.176.600</b>	<b>(14.550.000)</b>	<b>4.293.837.340</b>	<b>18.056.944.667</b>	<b>633.775.288.607</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ**(tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.311.000	60.311.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.310.988	60.310.988
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.310.988	60.310.988
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.455	1.455
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.455	1.455
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.309.533	60.309.533
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.309.533	60.309.533
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	163,36	163,36



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	4.027.272.727	43.574.022.727
Doanh thu bán thành phẩm	28.038.166.250	5.283.886.661
<b>Cộng</b>	<b>32.065.438.977</b>	<b>48.857.909.388</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.516.750.000	36.841.468.336
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.469.453.611	22.295.348.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.305.020.201	-
<b>Cộng</b>	<b>36.291.223.812</b>	<b>59.136.817.163</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	231.302.619	17.478.521
Lãi tiền cho vay	10.713.524.025	8.039.205.812
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	585.504	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	8.188.258.018
<b>Cộng</b>	<b>10.945.412.148</b>	<b>16.244.942.351</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	773.338.188	1.383.766.985
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	-	(2.179.017.463)
<b>Cộng</b>	<b>773.338.188</b>	<b>(795.250.478)</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	451.916.567	570.524.898
Chi phí bằng tiền khác	19.713.091	11.376.411
<b>Cộng</b>	<b>471.629.658</b>	<b>581.901.309</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	1.182.998.488	998.020.964
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.851.250	13.922.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.618.478	224.362.662
Thuế, phí và lệ phí	10.242.000	167.907.710
Chi phí dự phòng	1.068.483.000	4.233.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.071.409	1.051.758.068
Các chi phí khác	66.814.550	106.615.195
<b>Cộng</b>	<b>3.603.079.175</b>	<b>2.566.820.774</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	166.296	283.900
<b>Cộng</b>	<b>166.296</b>	<b>283.900</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	4.641.007.977
Phạt chậm nộp BHXH	-	5.638.823
Phạt trả nợ trước hạn	3.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	534.876.494	-
Chi phí khác	2.326.540	385
<b>Cộng</b>	<b>540.203.034</b>	<b>4.646.647.185</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành 6 tháng đầu năm 2018 được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.331.543.554	(1.033.800.314)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	534.876.494	25.038.823
Thuế bị phạt, bị truy thu	534.876.494	-
Phạt chậm nộp BHXH	-	5.638.823
Khấu hao xe ô tô trên 1,6 tỷ	-	19.400.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.866.420.048	(1.008.761.491)
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.866.420.048)	-
Thu nhập tính thuế	-	(1.008.761.491)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.331.543.554	(1.033.800.314)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.331.543.554	(1.033.800.314)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.309.533	60.309.533
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>22</b>	<b>(17)</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.309.533	60.309.533
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>60.309.533</b>	<b>60.309.533</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.807.446.774	14.678.362.028
Chi phí nhân công	3.025.159.612	2.390.812.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.321.787.368	1.382.492.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.384.731.777	1.434.429.168
Chi phí dự phòng	6.373.503.201	4.233.806
Chi phí bằng tiền khác	138.872.209	336.370.772
<b>Cộng</b>	<b>25.051.500.941</b>	<b>20.226.701.255</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng chi phí	28.000.000	43.139.190
Hoàn ứng	48.661.652.642	63.342.699.190
Lãi vay phải trả	-	2.810.997.223
Lãi vay đã trả	-	717.395.833
Số tiền cho vay phát sinh	-	47.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác của Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa	Công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh ô tô

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.027.272.727	28.038.166.250	32.065.438.977
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.027.272.727</b>	<b>28.038.166.250</b>	<b>32.065.438.977</b>
Chi phí bộ phận	(4.752.357.115)	(31.538.866.697)	(36.291.223.812)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(725.084.388)	(3.500.700.447)	(4.225.784.835)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.074.708.833)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(8.300.493.668)
Doanh thu hoạt động tài chính			10.945.412.148
Chi phí tài chính			(773.338.188)
Thu nhập khác			166.296
Chi phí khác			(540.203.034)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.331.543.554</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>873.116.364</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>1.326.344.209</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.650.503.844	68.345.213.206	72.995.717.050
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			604.972.308.511
<b>Tổng tài sản</b>			<b>677.968.025.561</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	16.471.761.335	16.471.761.335
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			27.720.975.619
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>44.192.736.954</b>

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.298.542.801	28.669.694.706	2.298.542.801	28.669.694.706
Phải thu khách hàng	8.258.497.852	12.773.985.269	8.258.497.852	12.773.985.269
Các khoản cho vay	376.010.428.197	276.756.055.000	376.010.428.197	276.756.055.000
Các khoản phải thu khác	147.507.189.589	196.148.041.974	147.507.189.589	196.148.041.974
<b>Cộng</b>	<b>534.074.658.439</b>	<b>514.347.776.949</b>	<b>534.074.658.439</b>	<b>514.347.776.949</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	16.850.002.000	10.141.000.000	16.850.002.000	10.141.000.000
Phải trả cho người bán	14.448.566.017	12.831.613.480	14.448.566.017	12.831.613.480
Các khoản phải trả khác	8.164.359.072	8.226.930.064	8.164.359.072	8.226.930.064
<b>Cộng</b>	<b>39.462.927.089</b>	<b>31.199.543.544</b>	<b>39.462.927.089</b>	<b>31.199.543.544</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	16.520.000.000	330.002.000	-	16.850.002.000
Phải trả người bán	14.448.566.017	-	-	14.448.566.017
Các khoản phải trả khác	8.164.359.072	-	-	8.164.359.072
<b>Cộng</b>	<b>39.132.925.089</b>	<b>330.002.000</b>	<b>-</b>	<b>39.462.927.089</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	10.141.000.000	-	-	10.141.000.000
Phải trả người bán	12.831.613.480	-	-	12.831.613.480
Các khoản phải trả khác	8.226.930.064	-	-	8.226.930.064
<b>Cộng</b>	<b>31.199.543.544</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.199.543.544</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### 7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Vương Thị Ánh Duyên

Lập ngày 15 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đường Đức Hóa

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Ông Nguyễn Duy Hưng	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000
Công ty TNHH Phước Lộc	Quá hạn từ 1-2 năm	80.000.000	Quá hạn từ 1-2 năm	40.000.000
Chi nhánh Công ty CPXD số 1 Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404
A CHAU 24.CO.LTD	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617
Asia Super Market Khánh Hương	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060
Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng (331N)	Khó có khả năng thu hồi	74.109.860	Khó có khả năng thu hồi	74.109.860
Ông Mai Hùng An (331N)	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000
<b>Cộng</b>		<b>2.934.823.941</b>		<b>2.934.823.941</b>